

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2022

*V/v: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn
giữa anh N và chị H*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Chinh;

Ông Trần Văn Quân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tùng-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Nghĩa- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/6/2021 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Đức N, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 6, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu: Xóm 6, xã X, huyện X tỉnh Nam Định; hiện ở: Số 32 Hoàng H, phường 12, quận T, TP Hồ Chí Minh; vắng mặt, chị Hường có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2021 lời khai quá trình giải quyết và tại phiên, nguyên đơn anh Đặng Đức N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị H tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn

nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 24/01/2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Từ năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân, năm 2019 chị H đã đi vào Miền Nam làm ăn, vợ chồng không ai quan tâm đến ai nữa. Nay anh xác định vợ chồng không tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nên nguyện vọng của anh được xin ly hôn chị Vũ Thị H

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Đặng Vũ Ngọc M, sinh ngày 10/11/2006 và Đặng Vũ Hoàng A, sinh ngày 15/11/2008; hiện hai con đang ở với anh. Khi ly hôn anh xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng; Anh hiện đang làm nghề tóc mức thu nhập bình quân khoảng 7 triệu đồng/tháng.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo bản tự khai của chị Vũ Thị là bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Đức N tự nguyện đi đến hôn nhân và kết hôn với nhau vào ngày 24/01/2006 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh Nhã là người không có trách nhiệm với gia đình, một mình chị phải lo toan kinh tế gia đình cũng như chăm sóc con. Ngày 24/02/2019 do yêu cầu công việc chị phải chuyển công tác làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, khi đi nguyện vọng của chị là đưa các con đi nhưng anh N không cho con theo chị. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân, hạnh phúc tan vỡ nay anh N xin ly hôn chị nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như anh N trình bày là đúng, khi ly hôn chị nhất trí để anh N được nuôi cả hai con và chị xin nhận cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Chị và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã X.

Về quan hệ hôn nhân: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn, sổ hộ khẩu của xã thì: Anh Đặng Đức N, sinh năm 1982 và chị Vũ Thị H, sinh năm 1984 đều có hộ khẩu tại xã X, tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/01/2006. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống không hạnh phúc, do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Năm 2019 chị H đã đi vào Miền Nam làm ăn. Nay anh N xin ly hôn chị H nhất trí. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự cũng như thực trạng hôn

nhân đề nghị Tòa án giải quyết cho anh N và chị H được ly hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung tên là Đặng Vũ Ngọc Mi sinh ngày 10/11/2006 và Đặng Vũ Hoàng A, sinh ngày 15/11/2008; hiện hai con đang ở với anh N. Khi ly hôn anh N xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị ở phải cấp dưỡng, chị H nhất trí với ý kiến của anh N. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự cũng như thực tế, vì vậy đề nghị Tòa án giao cho anh N tiếp tục nuôi 02 con và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Về tài sản: Anh N và chị H không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa anh Đặng Đức N và chị Vũ Thị H.

Về con chung: Giao cho anh Đặng Đức N tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai con Đặng Vũ Ngọc M, sinh ngày 10/11/2006 và Đặng Vũ Hoàng A, sinh ngày 15/11/2008. Chị Vũ Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

Về án phí: Nguyên đơn anh Đặng Đức N phải nộp án ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Đức N và chị Vũ Thị H kết hôn hợp pháp. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống không hạnh phúc hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Anh N và chị H đã ly thân từ năm 2016, không ai quan tâm đến ai, anh N xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nên xin ly hôn chị H, chị

Hường nhất trí. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nay anh N xin ly hôn chị H nhất trí nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng Đức N đối với chị Vũ Thị H.

[3] Về việc nuôi con chung: Anh Đặng Đức N và chị Vũ Thị H có 02 con là Đặng Vũ Ngọc M, sinh ngày 10/11/2006 và Đặng Vũ Hoàng A, sinh ngày 15/11/2008; hiện hai con đang ở với anh N, khi ly hôn anh N xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng. Chị H nhất trí với ý kiến của anh N, để anh N nuôi cả hai con và chị xin cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, các đương sự thống nhất được việc nuôi con nên HĐXX sẽ giao cho anh N tiếp tục nuôi 02 con và ghi nhận anh N không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản: Anh Đặng Đức N và chị Vũ Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Đặng Đức N và chị Vũ Thị H

2. Về con chung: Giao cho anh Đặng Đức N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Đặng Vũ Ngọc M, sinh ngày 10/11/2006 và Đặng Vũ Hoàng A sinh ngày 15/11/2008. Chị Vũ Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đặng Đức N phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002066 ngày 25/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; anh N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã X: 01 bản;
- Các đương sự 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Ngọc Long

